

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 239/2024/DS-ST
Ngày: 24-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
xây dựng nhà ở và hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Đức Hương;

Ông Nguyễn Thanh Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Trần Thị Thái Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự xây dựng nhà ở và hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ D, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của chị T: Anh Nguyễn Thái S, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền 09-5-2024) có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Hà Văn T1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thái S là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Chị Trương Thị T không quen biết với anh Hà Văn T1. Cuối năm 2023 anh T1 là thầu nhận xây dựng nhà ở gần nhà chị T nên chị T mới biết anh T1. Anh T1 đăng ký hộ khẩu tại xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú tại tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Do chị T có nhu cầu xây dựng nhà ở trong năm 2024 nên chị T có gặp anh T1 trao đổi, thỏa thuận hợp đồng với anh T1 để anh T1 xây nhà cho chị T thì anh T1 đồng ý. Tuy nhiên, hai bên chỉ nói miệng với nhau chưa ký hợp đồng xây dựng và anh T1 xin nhận trước số tiền để làm các thủ tục cụ thể như sau:

- Ngày 23-12-2023 anh T1 xin ứng của chị T số tiền 12.000.000 đồng và yêu cầu chị T chuyển tiền vào số tài khoản của chị Đặng Thị Trúc G, không rõ năm sinh địa chỉ nên chị T nhờ anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, là cháu của chị T chuyển tiền, nội dung chuyển tiền anh T2 có ghi “Dì T chuyển tiền đặt cọc xây nhà”;

- Ngày 02-01-2024 anh T1 tiếp tục xin ứng của chị T thêm số tiền 24.000.000 đồng, nói để trả tiền công thợ và yêu cầu chị T chuyển tiền vào số tài khoản của chị Đặng Thị Trúc G nên chị T tiếp tục nhờ anh Nguyễn Văn T2 chuyển tiền, nội dung chuyển tiền anh T2 có ghi “Dì T chuyển tiền đặt cọc xây nhà”;

- Ngày 13-01-2024 anh T1 nói ba anh đang nằm bệnh viện nên tiếp tục xin ứng của chị T thêm số tiền 30.000.000 đồng, anh T1 có viết giấy nhận tiền giao cho chị T giữ, nội dung anh T1 ghi “Có nhận tiền tạm ứng xây dựng nhà cho chị T số tiền 30.000.000 đồng”;

Ngoài ra, ngày 23-01-2024 anh T1 tiếp tục mượn của chị T thêm số tiền 20.000.000 đồng, nói để đáo hạn Ngân hàng xong sẽ trả lại, không thỏa thuận tiền lãi và chị T nhờ bạn tên Lê Thị T3 (đang ở Trung Quốc) chuyển tiền vào số tài khoản của chị Đặng Thị Trúc G nhưng không ghi nội dung chuyển tiền;

- Ngày 04-02-2024 anh T1 tiếp tục mượn của chị T3 thêm số tiền 4.000.000 đồng, nói để trả tiền viện phí cho ba anh T1, hẹn vài ngày trả lại, không thỏa thuận tiền lãi và chị T3 nhờ chị Hoàng Thùy D, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố H, phường T, Thành phố Hà Nội, là cháu của chị T3 chuyển tiền vào số tài khoản của chị Đặng Thị Trúc G nhưng không ghi nội dung chuyển tiền;

Do anh T1 nhận tiền nhưng không xây nhà cho chị T3 mà bỏ trốn, hiện nay không còn địa phương cũng không biết đi đâu nên chị T3 với anh T1 nói chuyện bằng hình thức nhắn tin Zalo có trao đổi về chuyện xây nhà, đòi lại số tiền đã giao cho anh T1 và anh T1 có thừa nhận có nhận tiền của chị T3, hứa sẽ trả lại cho chị T3 nhưng đến nay vẫn không trả. Do đó, nay chị Trương Thị T yêu cầu anh Hà Văn T1 có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Anh Hà Văn T1 đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Hà Văn T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh T1 là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 423, 427, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thanh đối V anh Hà Văn T1 về tranh chấp hợp đồng dân sự xây dựng nhà ở và hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Hà Văn T1 có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị Thanh S1 tiền 90.000.000 đồng. Ghi nhận chị Trương Thị Thanh K yêu cầu tính tiền lãi.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Văn T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ giấy xác nhận, đề ngày 13-01-2024 do anh Hà Văn T1 viết xác nhận với chị T thì anh T1 có ghi địa chỉ tạm trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Qua xác minh địa phương và ông Nguyễn Văn E thể hiện, anh Hà Văn T1 sống chung như vợ chồng với chị Võ Ngọc G1 (con ruột ông E) từ đầu năm 2023 đến năm 2024, tại tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh nhưng không có đăng ký kết hôn, hiện nay anh T1 và chị G1 đã bán nhà đất đi đâu không biết; chị Trương Thị Thanh khởi K1 ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của anh T1 được anh T1 ghi trong giấy xác nhận nêu trên. Do đó, căn cứ Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì vụ án tranh chấp giữa chị Trương Thị T với anh Hà Văn T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Anh Nguyễn Thái S là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; anh Hà Văn T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh S và anh T1.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, chị Trương Thị Thanh khởi kiện yêu cầu anh Hà Văn T1 có nghĩa vụ trả lại số tiền vay và tiền nhận xây dựng nhà ở, tổng cộng 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hà Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị T, Hội đồng xét xử nhận định: Khi khởi kiện chị T cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm “01 Giấy xác nhận, đề ngày 13-01-2024; 04 hình ảnh chuyển tiền chụp từ điện thoại; 06 hình ảnh tính nhắn chụp màn hình điện thoại và lời trình bày của chị Hoàng Thúy D1”. Chứng cứ này đã được Tòa án mở phiên họp công khai và thông báo cho anh T1 biết nhưng anh T1 không có ý kiến nên căn cứ các Điều 91, 92, 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là nguồn chứng cứ dùng để xem xét, giải quyết vụ án.

[3] Xét chứng cứ là giấy xác nhận nợ và các chứng cứ khác do chị T cung cấp thấy rằng, giữa chị Trương Thị T và anh Hà Văn T1 có giao kết hợp đồng vay tiền và hợp đồng xây dựng nhà ở với nhau, khi giao kết hai bên tự nguyện, có lập hợp đồng và thỏa thuận bằng lời nói, nội dung các bên thỏa thuận tài sản vay là số tiền 24.000.000 đồng, không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi suất và thỏa thuận về việc xây dựng nhà ở. Việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp với quy định tại các Điều 116, 463 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T và chị T cung cấp được đoạn tin nhắn nói chuyện với anh T1 thể hiện “*Anh T1 cam kết sẽ trả lại tiền cho chị T...*”, như vậy có căn cứ anh T1 có nhận của chị T số tiền xây dựng nhà ở, tiền vay, tổng cộng 90.000.000 đồng nhưng không thực hiện xây nhà ở và không trả lại cho chị T nên chị T khởi kiện yêu cầu anh T1 trả nợ là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại các Điều 116, 423, 427, 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không yêu cầu tính tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thanh đối với anh Hà Văn T1 về tranh chấp hợp đồng dân sự xây dựng nhà ở và hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Hà Văn T1 có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị Thanh S1 tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính tiền lãi.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 423, 427, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thanh đối V anh Hà Văn T1 về tranh chấp hợp đồng dân sự xây dựng nhà ở và hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Hà Văn T1 có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị Thanh S1 tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Văn T1 phải chịu 4.500.000 (bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trương Thị Thanh K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị T 2.250.000 (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006275 ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị T, anh Hà Văn T1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC. THADS huyện Tân Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Trần Thanh Quốc